TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
----------	----------
Số: **897/2026/QĐST-HNGĐ**	*Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 835/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 08 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Anh **Bùi Khắc T**, sinh năm 1992; HKTT: xóm 1, thôn Đ, xã V, thành phố H. Hiện ở tại: Căn hộ H3-1490 Chung cư Hope Residences, Phường P, thành phố Hà Nội. CCCD số: 030092015xxx cấp ngày 08/07/2021, Nơi cấp: Cục CSQLHC về trật tự xã hội.

**** Bị đơn***: **Chị Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1992; HKTT: xóm 1, thôn Đ, xã V, thành phố H; Hiện ở tại: Căn hộ H3-1490 Chung cư Hope Residences, Phường P, thành phố Hà Nội. CCCD số: 030192014xxx cấp ngày 04/03/2022, Nơi cấp: Cục CSQLHC về trật tự xã hội.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 211, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 08 năm 2026;

XÉT THẤY

Anh Bùi Khắc T và chị Nguyễn Thị T2 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/03/2020 (Giấy chứng nhận kết hôn số 23) tại Ủy ban nhân dân xã Ứ, huyện N, tỉnh H (nay là xã V, thành phố H). Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống không hạnh phúc nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của anh chị được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 08 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. **Công nhận thuận tình ly hôn giữa:** *Anh* ***Bùi Khắc T*** *và chị* ***Nguyễn Thị T2.***

2. **Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con chung: Anh Bùi Khắc T và chị Nguyễn Thị T2 có 01 con chung là cháu Bùi Tuấn M, sinh ngày 15/12/2021. Sau ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Tuấn M. Về cấp dưỡng

nuôi con: Anh Bùi Khắc T tự nguyện đóng góp tiền nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng (Năm triệu đồng), kể từ tháng 08 năm 2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của pháp luật thay thế.

Anh Bùi Khắc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung:

+ Về tài sản chung là các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình: Anh chị khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên Toà án không xem xét.

+ Về tài sản chung là nhà ở và đất ở: Anh chị khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên Toà án không xem xét.

- Về công nợ chung: Anh chị khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên Toà án không xem xét.

- Về án phí: Anh Bùi Khắc T tự nguyện chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai số 0002395 ngày 28 tháng 07 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

4. Hiệu lực của quyết định: Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND khu vực 5 – Hà Nội;
- THADS TP. Hà Nội;
- UBND xã Ứ, huyện N, tỉnh H (nay là xã V, thành phố H) (Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 06/03/2020);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Hồng Hạnh